

Số: 01 /2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-
BCA-BTP

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2017

LIỆU ĐẾN
Ngày: 05.1.01.1.2018
VAO SỐ SỔ: 16

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Giám định tư pháp năm 2012 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thống nhất ban hành Thông tư liên tịch quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp và việc phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;
2. Tổ chức giám định tư pháp, người giám định tư pháp, giám định viên tư

pháp được trưng cầu giám định;

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc trưng cầu giám định, đánh giá và sử dụng kết luận giám định

1. Việc trưng cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tuân theo quy chuẩn chuyên môn nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ án, vụ việc được chính xác, khách quan và đúng pháp luật.

2. Ngoài những trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định theo Thông tư liên tịch này chỉ được thực hiện khi chưa có đủ chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

3. Khi trưng cầu giám định cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện việc giám định ở lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định. Khi đánh giá, sử dụng kết luận giám định, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải bảo đảm xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện kết luận giám định làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án, vụ việc.

4. Tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định có trách nhiệm tiến hành giám định bảo đảm đúng thời hạn và kết luận cụ thể về nội dung được trưng cầu giám định, chịu trách nhiệm về những nội dung đã kết luận theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định phải giữ bí mật, không được tiết lộ nội dung thông tin, tài liệu, kết luận giám định cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền.

Không được lạm dụng việc trưng cầu, thực hiện, đánh giá, sử dụng kết luận giám định để gây cản trở quá trình giải quyết vụ án, vụ việc hoặc làm ảnh hưởng đến tính chính xác, khách quan của việc giải quyết vụ án, vụ việc.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định

Những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định theo Thông tư liên tịch này, bao gồm:

1. Khi cần xác định chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ của tài sản, hàng hoá, hàng giả, hàng thật, hàng cấm;

2. Khi cần truy nguyên về tài liệu, đồ vật, chữ ký, chữ viết, con dấu, dấu vết, dữ liệu điện tử;

3. Khi cần xác định tính chính xác của các dụng cụ cân, đo, đong, đếm và các máy móc, thiết bị khác;

4. Khi cần xác định hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, gồm:

- a) Về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư dự án;
- b) Về đấu thầu;
- c) Về khảo sát, tư vấn thiết kế, thi công, giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán;
- d) Về quản lý vốn đầu tư như: Tạm ứng vốn không đúng quy định; sử dụng vốn thi công không đúng mục đích; bảo lãnh cho vay vốn, tạm ứng vốn, thực hiện hợp đồng hoặc điều chuyển vốn cho vay; cho vay vốn không đúng chế độ;
- đ) Hành vi khác vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư.

5. Trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc trong việc xác định mức độ thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư gây ra, thì mức độ thiệt hại được xác định theo nguyên tắc lấy tổng chi phí đầu tư dự án trừ đi chi phí hợp lý, hợp lệ hoặc được xác định theo một hoặc trong các cách thức sau đây:

- a) Tiền lãi suất ngân hàng của khoản tiền đã tạm ứng vốn mà sử dụng khoản tiền này không đúng mục đích dẫn đến không có khả năng thu hồi hoặc làm mất vốn đầu tư;
- b) Tiền lãi suất ngân hàng của các khoản đầu tư cho vay, ủy thác hoặc điều chuyển vốn, sử dụng vốn không đúng quy định của pháp luật gây thất thoát, lãng phí;
- c) Khoản chi phí phát sinh về tiền lãi vay của khoản vốn đã đầu tư và các chi phí khác đối với dự án kể từ khi dự án ngừng thi công hoặc ngừng hoạt động;
- d) Tổng mức đầu tư phải điều chỉnh tăng lên so với tổng mức đầu tư ban đầu mà nguyên nhân do có hành vi vi phạm pháp luật dẫn đến phải kéo dài thời gian thực hiện dự án hoặc làm chậm tiến độ thực hiện dự án.

6. Khi cần xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế, tài chính, kế toán, bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, đất đai, tài nguyên, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và các lĩnh vực khác khi xét thấy cần thiết.

Điều 5. Trưng cầu giám định

1. Khi thuộc trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch này, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định; lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện thực hiện giám định để ra quyết định trưng cầu giám định.

2. Quyết định trưng cầu giám định phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 205 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nội dung trưng cầu giám định chỉ nêu yêu cầu mang tính chuyên môn ở lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định, không nêu yêu cầu mang tính pháp lý.

3. Thời hạn giám định được tính kể từ ngày tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định nhận được quyết định trưng cầu giám định và đầy đủ hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám định, tài liệu kèm theo.

Thời hạn giám định thực hiện theo quyết định trưng cầu giám định. Trường hợp việc giám định không thể tiến hành trong thời hạn quy định tại khoản này thì cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải kịp thời thông báo bằng văn

bản, nêu rõ lý do cho cơ quan trung cầu, người yêu cầu giám định; đồng thời nêu rõ thời gian dự kiến hoàn thành việc giám định và ban hành kết luận giám định.

4. Trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định trung cầu giám định, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải phối hợp, trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân dự kiến được trung cầu giám định và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thống nhất về nội dung trung cầu giám định, thời hạn giám định và vấn đề khác (nếu có).

5. Trường hợp có nhiều nội dung cần giám định hoặc nội dung phức tạp, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thể tách thành nhiều nội dung trung cầu giám định khác nhau, ra nhiều lần quyết định trung cầu giám định để bảo đảm đáp ứng yêu cầu về tiến độ giải quyết vụ án, vụ việc.

6. Trường hợp nội dung trung cầu giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực, thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức thì cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải xác định lĩnh vực chính để giao trách nhiệm cho cơ quan, tổ chức chủ trì và cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện giám định.

Cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm chủ trì thực hiện giám định phải làm đầu mối, tổ chức việc thực hiện và ký, đóng dấu xác nhận trong kết luận giám định. Cơ quan, tổ chức phối hợp phải cử người tham gia thực hiện giám định.

7. Trường hợp phát sinh vấn đề vướng mắc trong việc phối hợp trung cầu, thực hiện giám định, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức được trung cầu, giám định và cơ quan, tổ chức liên quan để giải quyết.

Điều 6. Giao, nhận quyết định trung cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trung cầu giám định

1. Việc giao, nhận quyết định trung cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trung cầu giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) được thực hiện theo cách thức sau đây:

a) Trực tiếp giao nhận tại trụ sở của tổ chức hoặc cá nhân được trung cầu giám định;

b) Trực tiếp giao nhận tại trụ sở cơ quan tiến hành tố tụng trong trường hợp người giám định được trung cầu thực hiện giám định tại cơ quan tiến hành tố tụng theo yêu cầu, nhiệm vụ đặc biệt;

c) Trực tiếp giao nhận tại hiện trường đối với đối tượng giám định không thể di dời được;

d) Gửi qua đường bưu chính.

2. Việc giao, nhận quyết định trung cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trung cầu giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan hoặc mẫu so sánh kèm theo (nếu có) phải được lập biên bản. Biên bản giao, nhận phải có đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Giám định tư pháp và Điều 133 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp đối tượng trung cầu giám định đang được niêm phong thì việc mở niêm phong phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thời hạn giao hoặc gửi quyết định trưng cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám định, tài liệu liên quan cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 205 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 7. Phối hợp trong tổ chức, thực hiện việc giám định

1. Trong thời hạn thực hiện giám định, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng sau khi giao quyết định trưng cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám định, tài liệu liên quan thì phải theo dõi đôn đốc việc triển khai thực hiện quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định cử người thực hiện, xây dựng kế hoạch thực hiện giám định, dự kiến tiền bồi dưỡng giám định, chi phí giám định và thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

2. Người đứng đầu tổ chức được trưng cầu giám định phải lập kế hoạch thực hiện giám định, lựa chọn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc phù hợp với nội dung trưng cầu giám định, quyết định hình thức giám định là giám định cá nhân hoặc giám định tập thể và trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám định, tài liệu liên quan, tổ chức được trưng cầu giám định phải có văn bản gửi cho cơ quan, người trưng cầu giám định danh sách những người được phân công thực hiện giám định, đầu mối liên hệ và hình thức giám định.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám định, tài liệu liên quan, cá nhân được trưng cầu giám định phải lập kế hoạch thực hiện giám định bằng văn bản, gửi cho cơ quan, người trưng cầu giám định và thực hiện đầy đủ yêu cầu của cơ quan, người trưng cầu giám định.

3. Trường hợp quyết định trưng cầu giám định có nội dung liên quan đến trách nhiệm thực hiện của nhiều tổ chức giám định thì tổ chức được giao trách nhiệm chủ trì thực hiện việc giám định phải đề nghị tổ chức giám định có trách nhiệm phối hợp cử người đủ điều kiện tham gia thực hiện giám định. Tổ chức được giao trách nhiệm chủ trì giám định phân công người làm đầu mối thực hiện việc giám định và thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người trưng cầu giám định biết.

Tổ chức được đề nghị giám định phải gửi văn bản cử người có đủ điều kiện tham gia việc giám định.

4. Trong quá trình thực hiện giám định, nếu có thay đổi người thực hiện giám định, thời hạn giám định không đủ để hoàn thành việc giám định hoặc có vấn đề khác phát sinh thì tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho cơ quan trưng cầu giám định biết để thống nhất phương án giải quyết. Trường hợp cần thiết, cơ quan trưng cầu giám định tổ chức họp, trao đổi với tổ chức, cá nhân thực hiện giám định và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết vướng mắc phát sinh hoặc việc không thống nhất ý kiến giữa bên trưng cầu và bên thực hiện trưng cầu giám định.

5. Cơ quan trưng cầu giám định có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, kịp thời tiền bồi dưỡng, chi phí giám định cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của người trưng cầu giám định tư pháp theo

quy định của Luật Giám định tư pháp, Thông tư liên tịch này và quy định pháp luật khác có liên quan để bảo đảm thời hạn, điều kiện thực hiện giám định.

Điều 8. Đánh giá, sử dụng kết luận giám định

1. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi xem xét, đánh giá, sử dụng kết luận giám định phải bảo đảm thống nhất, phù hợp với các chứng cứ khác có liên quan đến vụ án, vụ việc.

2. Trường hợp kết luận giám định chưa rõ hoặc khi cần thiết, để tạo cơ sở cho việc đánh giá, sử dụng kết luận giám định được chính xác, khách quan, cơ quan trung cầu giám định, người trung cầu giám định định yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện giám định giải thích cụ thể về quá trình thực hiện giám định, kết quả giám định.

Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện tham gia tố tụng và trình bày, giải thích về kết luận giám định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

3. Trường hợp trong vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế có nhiều kết luận giám định khác nhau về cùng một nội dung, trong đó đã có kết luận giám định lại trong trường hợp quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng hình sự, mà các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn không thống nhất được về việc sử dụng kết luận giám định làm căn cứ để giải quyết vụ án, vụ việc thì cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án, vụ việc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá, sử dụng kết luận giám định theo các tiêu chí sau đây:

- a) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người giám định;
- b) Phương pháp, quy trình thực hiện giám định;
- c) Trang thiết bị, phương tiện chuyên dụng sử dụng thực hiện giám định;
- d) Sự độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định.

4. Trường hợp cần thiết, cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án, vụ việc phối hợp với cơ quan tiến hành tố tụng khác, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định, chuyên gia trong lĩnh vực giám định tư pháp và tổ chức, cá nhân khác có liên quan để thống nhất làm rõ các nội dung cần thiết phục vụ cho việc đánh giá, sử dụng kết luận giám định làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án, vụ việc.

Điều 9. Phối hợp thực hiện việc thống kê, báo cáo

1. Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm thực hiện thống kê, báo cáo việc thực hiện giám định tư pháp theo định kỳ (06 tháng và hằng năm) theo quy định của Luật Giám định tư pháp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Nội dung báo cáo phải nêu rõ về kết quả, số liệu thống kê về quyết định trưng cầu giám định tư pháp; khó khăn, vướng mắc về việc ra kết luận giám định, sử dụng kết luận giám định; việc tham gia tố tụng của người giám định; chi phí, chế độ bồi dưỡng giám định; về trao đổi thông tin trong quá trình giám định, thông báo tiến độ giám định; việc từ chối giám định của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi được trưng cầu và các nội dung cần thiết khác trong giải quyết các vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.

2. Báo cáo, thống kê về giám định tư pháp của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ở cấp Trung ương gửi đến Bộ Tư pháp; báo cáo, thống kê về giám định tư pháp của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cấp tỉnh gửi đến Sở Tư pháp.

Điều 10. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp trong việc phối hợp về giám định tư pháp phục vụ giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế

1. Khi được cơ quan tiến hành tố tụng đề nghị và trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông tin, đôn đốc các cơ quan quản lý lĩnh vực giám định tư pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc về giám định tư pháp hoặc báo cáo, kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan có thẩm quyền khác chỉ đạo giải quyết khó khăn, vướng mắc đó.

2. Trên cơ sở thông tin, số liệu thống kê về giám định tư pháp do cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp theo quy định tại Điều 9 của Thông tư liên tịch này, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ hoặc sở, ban, ngành quản lý lĩnh vực giám định thực hiện các giải pháp củng cố, tăng cường số lượng, chất lượng tổ chức, cá nhân thực hiện việc giám định để đáp ứng kịp thời, có chất lượng yêu cầu giải quyết các vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.

3. Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các cấp, các ngành hữu quan tập hợp, lập, công bố danh sách giám định viên tư pháp, tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập, người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; các lĩnh vực giám định của từng tổ chức, cá nhân và đăng tải công khai các thông tin này trên Trang thông tin điện tử của cơ quan mình. Trường hợp có sự thay đổi, bổ sung tổ chức, cá nhân giám định thì phải kịp thời đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan mình.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

2. Đối với những vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế đã được Tòa án nhân dân giải quyết và bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trước ngày

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng quy định Thông tư liên tịch này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần phải bổ sung, đề nghị kịp thời phản ánh về Viện kiểm sát nhân dân tối cao để tổng hợp, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**
Đã ký: Lê Quý Vương

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**
Đã ký: Bùi Mạnh Cường

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**
Đã ký: Nguyễn Trí Tuệ

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG**
Đã ký: Trần Tiến Dũng

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO
Số: 01/SL**

SAO LỤC
Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2018

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Viện VKSNDTC;
- Các đơn vị trực thuộc VTC;
- 63 tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VKSQSTW;
- Nơi nhận TTLT + danh sách kèm theo,;
- Lưu: VT, V5.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Công Đức
Nguyễn Công Đức